

PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM CẤU THÀNH CƠ BẢN CỦA VỊ NGỮ TÍNH TỪ TRONG CÂU CẦU KHIẾN KHẲNG ĐỊNH TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT

VŨ THỊ HUYỀN TRANG*

*Đại học Thái Nguyên, ✉ wuxuanzhuang@qq.com

Ngày nhận bài: 01/8/2018; ngày sửa chữa: 06/9/2018; ngày duyệt đăng: 10/9/2018

TÓM TẮT

Câu cầu khiến chiếm một vị trí quan trọng trong loại hình câu tiếng Hán và tiếng Việt. Câu cầu khiến có thể phân làm hai dạng cơ bản là câu cầu khiến khẳng định và câu cầu khiến phủ định. Trong tiếng Hán và tiếng Việt, vị ngữ trong câu cầu khiến dạng khẳng định thường do động từ, cụm động từ hoặc tính từ đảm nhiệm. Từ góc độ hình thức kết cấu, bài viết tập trung tiến hành phân tích, đối chiếu đặc điểm cấu thành cơ bản của vị ngữ tính từ trong câu cầu khiến khẳng định tiếng Hán và tiếng Việt từ đó tìm ra điểm tương đồng và dị biệt ở đặc điểm cấu thành của loại câu này trong hai ngôn ngữ.

Từ khóa: *câu cầu khiến, vị ngữ tính từ, phân tích đối chiếu, tiếng Hán, tiếng Việt*

1. MỞ ĐẦU

Câu cầu khiến chiếm một vị trí quan trọng trong loại hình câu tiếng Hán và tiếng Việt, nó có thể biểu đạt một cách linh hoạt, chính xác sự mong muốn, tư tưởng, mệnh lệnh, yêu cầu của người nói, thậm chí nó có thể biểu đạt sự ngăn cản, cấm đoán hoặc khuyên nhủ của người nói đối với người nghe. Dựa vào thân phận địa vị của người nói và người nghe, dựa vào mục đích giao tiếp mà có thể chọn lựa các phương thức biểu đạt khác nhau. Từ góc độ hình thức kết cấu, câu cầu khiến tiếng Hán và câu cầu khiến tiếng Việt đều có thể được phân thành hai dạng thức: dạng khẳng định và dạng phủ định¹. Câu cầu khiến dạng khẳng định (CCKKĐ)

thường dùng để biểu đạt mệnh lệnh, kiến nghị hoặc yêu cầu..., trong đó CCKKĐ có vị ngữ do tính từ đảm nhiệm thường là câu mà người nói yêu cầu người nghe biểu hiện ra một tính chất hay trạng thái nào đó (do tính từ biểu đạt). Trong tiếng Hán, số lượng những nghiên cứu về câu cầu khiến khá phong phú, đa dạng, tuy nhiên, những nghiên cứu về CCKKĐ có vị ngữ do tính từ đảm nhiệm chưa nhiều, nổi bật có nghiên cứu của tác giả Viên Dục Lâm (1993) 《现代汉语祈使句研究》“Nghiên cứu câu cầu khiến tiếng Hán hiện đại”, Triệu Vi (2010) 《指令行为与汉语祈使句研究》“Nghiên cứu hành vi mệnh lệnh và câu cầu khiến tiếng Hán”... Trong tiếng Việt, bên cạnh một số nghiên cứu về phần câu có liên quan đến câu cầu khiến

của tác giả Hoàng Trọng Phiến (1980), Đào Thanh Lan (2002), Diệp Quang Ban (2009),... thì cũng có một số nghiên cứu cụ thể có nhắc tới vị ngữ tính từ trong câu cầu khiến như Chu Thị Thủy An (2002) “Câu cầu khiến tiếng Việt”, Vũ Thị Hằng (2012) “Nghiên cứu đối chiếu câu cầu khiến tiếng Hán và tiếng Việt”... tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở mức độ nhắc tới chứ chưa đi sâu vào phân tích tính chất hoặc đưa ra ví dụ. Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, không phải tất cả các tính từ đều được chọn dùng trong CCKKĐ tiếng Hán và tiếng Việt, những tính từ được lựa chọn đều phải thỏa mãn một số điều kiện nhất định mới có thể cấu thành lên CCKKĐ, cụ thể ở CCKKĐ tiếng Hán và CCKKĐ tiếng Việt chúng ta đều có thể nói: “自觉一点儿!” (Hãy tự giác chút đi!) hoặc “热心一点儿!” (Hãy nhiệt tình một chút!) nhưng lại không nói là “急躁一点儿!” (*Hãy nóng nảy một chút!) hoặc “小气一点儿!” (*Hãy bủn xỉn chút đi!), tại sao lại có sự khác biệt này? Nguyên nhân của nó là gì? Trên cơ sở nghiên cứu, so sánh đối chiếu đặc điểm cấu thành cơ bản của vị ngữ tính từ trong CCKKĐ tiếng Hán và tiếng Việt, bài viết tập trung tìm ra một số điểm giống và khác nhau trong đặc điểm cấu thành của loại câu này giữa hai ngôn ngữ, hy vọng sẽ giúp ích phần nào đó cho sinh viên Việt Nam trong quá trình học tiếng Hán và những học giả đang làm công tác nghiên cứu hai ngôn ngữ Trung - Việt.

2. ĐẶC ĐIỂM CẤU THÀNH VỊ NGỮ TÍNH TỪ TRONG CÂU CẦU KHIẾN KHẲNG ĐỊNH TIẾNG HÁN

Liên quan đến đặc điểm của những tính từ có thể tham gia cấu thành câu cầu khiến tiếng Hán, tác giả Viên Dục Lâm (袁毓林, 1993) cho rằng: “Tính từ (ký hiệu là A) thông thường không thể độc lập tạo thành câu cầu khiến, nhưng phía sau tính từ thêm “一点儿”, hoặc là phía trước tính từ và hình thức phủ định của nó (“不A”) có thêm phó từ phủ định “别” thì đều có thể tạo thành ba dạng câu cầu khiến có tính từ làm trung tâm lần lượt là: S1: ‘A+一点儿!’; S2: ‘别不A!’; S3: ‘别A!’”. Trong nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, một tính từ không thường độc lập tạo thành câu

cầu khiến nhưng trong ngữ cảnh đặc biệt nào đó, một tính từ độc lập vẫn có thể tạo thành CCKKĐ, ví dụ: “小心!”、“安静!”、“快!”... Lúc này những tính từ đó sẽ biểu thị một ngữ khí vô cùng cấp bách, dồn dập, có thể là lời của bè trên nói với bè dưới, lãnh đạo nói với cấp dưới hoặc cũng có thể dùng trong mối quan hệ bạn bè thân thiết... Nói tóm lại, để có thể đảm nhiệm vai trò vị ngữ trong CCKKĐ tiếng Hán, các tính từ cần phải thỏa mãn những yêu cầu dưới đây:

Thường là những tính từ mang tính tự chủ

Trong CCKKĐ tiếng Hán, thông thường chúng ta đều có thể nói: “谦虚一点儿!”、“稳重一点儿!”、“认真一点儿!”... , nhưng không nói là: “年轻一点儿!”、“愚蠢一点儿!”、“可爱一点儿!” Tại sao lại như vậy? Chúng ta có thể thấy, các tính từ “谦虚、稳重、认真” đều biểu thị những trạng thái mà tự thân chúng ta có thể tự khống chế được, các trạng thái đó con người đều có ý thức để có thể thể hiện ra hoặc không thể hiện ra, những dạng tính từ như vậy được gọi là tính từ tự chủ. Ngược lại “年轻、愚蠢、可爱” đều là trạng thái, tính chất mà tự thân chúng ta không khống chế được, tức là không cố ý để biểu hiện ra mà đều là sự thể hiện một cách vô thức, những từ như vậy được gọi là tính từ phi tự chủ. CCKKĐ có vị ngữ do tính từ đảm nhiệm thường là câu mà người nói yêu cầu người nghe thể hiện ra một tính chất hoặc trạng thái nào đó, do vậy những tính từ có thể đảm nhiệm vai trò vị ngữ của CCKKĐ tất yếu phải là tính từ mang tính tự chủ, đây là điều kiện để lựa chọn tính từ làm vị ngữ của câu cầu khiến.

Phía sau tính từ thêm “一点儿”、“点儿”、“点” tạo thành dạng câu cầu khiến “A+一点儿/点儿/点!”

Phía sau tính từ thêm “一点儿”, tạo thành hình thức câu cầu khiến “A+一点儿!”. “A+一点儿!” là hình thức khẳng định trực tiếp, biểu thị người nói yêu cầu người nghe biểu hiện ra một tính chất hay trạng thái nào đó (do tính từ biểu thị). Ngoài việc có thể thêm “一点儿” ở phía sau tính từ, sau A còn có thể thêm “点儿、点” để cấu thành hình thức câu cầu khiến “A+一点儿/点儿/点!”, ví dụ:

(1) 小枫, 你冷静一点儿, 我马上过去……
(北大语料库)

(2) “快点!” (莫言《丰乳肥臀》, 第211页)

Qua nghiên cứu chúng tôi cũng phát hiện ra rằng, đôi khi phía sau câu cầu khiến “A+一点儿/点儿/点!” có thể thêm từ ngữ khí hoặc phía trước nó có thể thêm trợ động từ để biểu thị ngữ khí cầu khiến không giống nhau, ví dụ:

(+) Hình thức câu “A+点” phía sau có thêm trợ từ ngữ khí “吧”、“啊” tạo thành câu cầu khiến. Ngữ khí trong cấu trúc cầu khiến “A+点” là tương đối cứng nhắc, tuy nhiên khi phía sau nó được thêm “吧” ngữ khí của câu cầu khiến sẽ trở lên ôn hòa hơn, lúc này câu cầu khiến sẽ mang ngữ khí khuyên giải, thuyết phục, còn nếu thêm “啊” sẽ mang ngữ khí thúc giục, ví dụ:

(3) 快点啊, 笨蛋! (北大语料库)

(4) 你认真一点儿吧! (北大语料库)

(+) Phía trước cấu trúc “A+点” thêm “请” sẽ biểu thị ngữ khí khách sáo, tôn trọng, ví dụ:

(5) 请文明点!

(+) Phía trước “A+点儿” thêm trợ động từ “应该、可以、要” tạo thành hình thức cầu khiến “应该/可以/要+ A+点儿!”, loại câu này trong giao tiếp hàng ngày hay trong phim ảnh chúng ta đều thường gặp, ví dụ:

(6) 应该勇敢一点儿!

(7) 可以严肃一点儿!

(8) 要仔细点儿!

Ngoài ra, phía trước tính từ có thể thêm động từ “放”, cấu thành cấu trúc câu cầu khiến thường dùng “放+形容词!”. Động từ “放” dùng với câu cầu khiến khẳng định, làm nổi bật ngữ khí cầu khiến, ngữ khí của hình thức câu này thường không khách sáo, mang ý nghĩa phê bình, khiển trách, ví dụ: “放老实点儿!”、“放尊重点儿!”...

Tính từ láy có thể làm vị ngữ của câu cầu khiến khẳng định

Tính từ láy đảm nhiệm vai trò vị ngữ của CCKKD thường có hai dạng là: “AA (儿) 的!” và “AABB的!”. Tác giả Triệu Vi (赵微, 2010, tr.78) thông qua việc thu thập ngữ liệu cho rằng: hình thức láy của tính từ đơn âm “AA (儿) 的” có thể đảm nhiệm vị trí vị ngữ của CCKKD không nhiều, chỉ có một vài tính từ như: “快”, “慢”, “好”, “轻”, “乖”... , trong khi nghiên cứu chúng tôi cũng thường gặp các câu cầu khiến do những từ này làm vị ngữ, ví dụ:

(9) 好好的! (北大语料库)

(10) 快快的! 快快的! 我的金票大大的 (北大语料库)

Hình thức láy “AABB的” của tính từ song âm tiết được dùng trong CCKKD thường là tính từ mang tính tự chủ và mang nghĩa tốt, ví dụ: 老老实实、认认真真、客客气气、大大方方、高高兴兴、规规矩矩...。

(11) 戴上你的口罩和白帽子, 把眼镜摘掉, 规规矩矩的.....

(北大语料库)

Hình thức “AABB的” thường được dùng trong câu cầu khiến với dạng thức nhấn mạnh, hình thành lên cấu trúc cầu khiến “给我AABB的!” hoặc dùng trong cấu trúc “该.....!”, khi đó phía trước “该” nhất định phải có phó từ “就” và thường có sự xuất hiện của chủ ngữ, hình thành lên cấu trúc cầu khiến “(S) 就该AABB的!”. Hình thức “AABB的” còn có thể dùng trong cấu trúc “该.....了!”, tạo thành cấu trúc cầu khiến “该AABB的了!”, ví dụ:

(12) 给我高高兴兴的! (袁毓林, 1993, 128)

(13) 你就该老老实实! (北大语料库)

(14) 该大大方方的了! (袁毓林, 1993, 129)

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi cũng phát hiện ra phía sau tính từ ngoài việc có thể thêm



“（一）点” thì có thể thêm“（着）点” tạo thành CCKKĐ, ví dụ:

(15) 快着点！（老舍《猫城记》）

(16) 刘伯伯，慢着点，风大！（北大语料库）

(17) 小心着点儿，这是‘平头’。（北大语料库）

Khi đó “（着）点” và “（一）点” có thể hoán đổi vị trí cho nhau mà không ảnh hưởng nhiều đến ý nghĩa câu khiến của câu, ví dụ chúng ta đều có thể nói “快着点” và “快一点”, hai câu này cơ bản tương đồng về mặt ý nghĩa.

Tóm lại, đặc điểm cấu thành vị ngữ của câu cầu khiến tiếng Hán tương đối phức tạp, phong phú đa dạng. Vị ngữ của câu cầu khiến thường do động từ tự chủ, cụm động từ, kết cấu động bổ... cấu thành, bên cạnh đó cũng có một phần do tính từ và kết cấu tính từ cấu thành. Số lượng tính từ có thể độc lập cấu thành câu cầu khiến tuy không nhiều nhưng kết cấu tính từ có thể làm vị ngữ câu cầu khiến lại khá linh hoạt, đa dạng. Ý nghĩa của CCKKĐ có tính từ làm vị ngữ là người nói yêu cầu người nghe biểu hiện ra một trạng thái hay tính chất nào đó, do vậy những tính từ có thể đảm nhiệm vai trò vị ngữ ngoài việc phải là tính từ tự chủ còn phải là từ mang nghĩa tốt hoặc trung tính, từ mang nghĩa xấu thường không thể xuất hiện trong CCKKĐ, đây cũng là một trong những điều kiện cấu thành vị ngữ của loại câu này.

3. ĐẶC ĐIỂM CẤU THÀNH VỊ NGỮ TÍNH TỪ TRONG CÂU CẦU KHIẾN KHẲNG ĐỊNH TIẾNG VIỆT

Diệp Quang Ban (2009, tr.128) cho rằng: “Câu cầu khiến (còn gọi là câu mệnh lệnh hay khuyến lệnh) là câu phân chia theo mục đích nói, có dấu hiệu hình thức riêng nhằm yêu cầu, nhắc nhở, khuyên bảo... người nghe nên hay không nên thực hiện một việc gì đó”. Theo Chu Thị Thủy An (2002, tr.77), CCKKĐ là câu mà người nói yêu cầu, thúc giục người nghe thực hiện một việc hay một quá trình nào đó. Trong câu cầu khiến tiếng

Việt, vị ngữ là thành phần rất quan trọng và không thể thiếu, vị ngữ của câu cầu khiến thường là những động từ biểu thị động tác, hành vi; tính từ biểu thị tính chất hay trạng thái của sự vật thường ít khi làm vị ngữ của câu cầu khiến, loại hình câu cầu khiến có động từ làm vị ngữ thường nhiều hơn loại hình câu cầu khiến có tính từ đảm nhiệm chức năng vị ngữ. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, khi người nói yêu cầu người nghe biểu hiện ra một tính chất hay một trạng thái nào đó thì vị ngữ của câu cầu khiến phải do tính từ đảm nhiệm, ví dụ:

(18) Nhe nhàng cho người ta một tý nào!

(Tập chí Văn nghệ quân đội, 1998 (03), tr.15)

(19) Hãy cẩn thận đấy!

(Nhiều tác giả, 2001, Truyện ngắn hay, tr.38)

(20) Nghiêm túc nào!

(Hoa học trò, 1997, tr.20)

Trong CCKKĐ tiếng Việt, thông thường một tính từ đơn độc không thể cấu thành lên câu cầu khiến, tuy nhiên trong ngữ cảnh đặc biệt chúng ta vẫn có thể nói: “Cẩn thận!”, “Nghiêm túc!”, “Trật tự!”, “Nhanh!”... Khi đó những tính từ này đều biểu thị ngữ khí vô cùng gấp gáp, thúc giục. Hơn nữa, chúng tôi cũng nhận thấy không phải bất cứ tính từ nào cũng đều có thể tham gia cấu thành CCKKĐ, những tính từ có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ đều cần thỏa mãn những điều kiện dưới đây:

Có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ của câu cầu khiến khẳng định tiếng Việt đều phải là những tính từ tự chủ

Thông thường, những tính từ có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ của câu cầu khiến khẳng định tiếng Việt thường là những tính từ miêu tả trạng thái, tình cảm, tư tưởng... của con người, hơn nữa những trạng thái được miêu tả phải là những trạng thái mà tự thân chúng ta có thể khống chế được, ví dụ: vui, can đảm, nhanh, chậm..., nói cách khác đều phải là những tính từ mang tính tự chủ mới đủ điều kiện đảm nhiệm chức năng vị ngữ của câu cầu khiến, ví dụ:

(21) Hãy **can đảm** lên!
(Tập chí Văn nghệ quân đội, 1998 (03), tr.21)

(22) **Vui vẻ** lên!

Phía sau tính từ thường có thêm các từ “một chút”, “một tý”, “chút” để cấu thành lên cấu trúc CCKKĐ: “Tính từ (ký hiệu: TT) + một chút/một tý/chút!”

Trong câu cầu khiến khẳng định tiếng Việt, phía sau tính từ thường có thêm các từ “một chút”, “một tý”, “chút” để cấu thành lên cấu trúc CCKKĐ: “TT + một chút/một tý/chút!”. Ngoài ra, phía sau tính từ còn có thể thêm các tiểu từ tình thái “nào, lên, thôi, xem, nhé, vào, đi” cấu thành lên cấu trúc CCKKĐ: “**TT + nào/ lên/thôi/xem/nhé/vào/đi!**”, trong giao tiếp thường ngày chúng ta cũng thường dùng cách nói này, ví dụ:

(23) Bình tĩnh **một chút/chút/một tý!**

(24) Hãy nhanh **lên/nào/nhé!**

(25) Chậm chậm **thôi!**

Tính từ láy có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ của câu cầu khiến khẳng định

Trong tiếng Việt, tính từ láy thường bao gồm hình thức láy hoàn toàn và láy bộ phận, trong đó láy bộ phận thường là láy vần. Trong CCKKĐ tiếng Việt, khi tính từ láy làm vị ngữ phía trước thường có thêm phụ từ: “Hãy”, “cứ”, ví dụ:

(26) Hãy **thật thà** đi!
(Hoa học trò, 1996, tr.11)

(27) Cứ **từ từ!**

Trong câu cầu khiến tiếng Việt, “hãy” và “cứ” là phương tiện biểu thị tình thái khẳng định. Tác giả Nguyễn Anh Quế (1988, tr.95) cho rằng: “Nét nghĩa chủ yếu của **hãy** là dùng khi ra lệnh, yêu cầu người khác (ngôi thứ hai) tiến hành một hành động; **cứ** dùng để biểu thị ý nghĩa cầu khiến, yêu cầu người nghe bắt đầu hoặc tiếp tục làm một việc gì đó.”

4. ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CẤU THÀNH CỦA VỊ NGỮ TÍNH TỪ TRONG CÂU CẦU KHIẾN KHẲNG ĐỊNH TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT

Thông qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy rằng, đặc điểm cấu thành vị ngữ tính từ trong CCKKĐ tiếng Hán và tiếng Việt vừa có điểm tương đồng vừa có điểm dị biệt. Có thể nói, điểm tương đồng lớn nhất ở CCKKĐ có vị ngữ là tính từ trong tiếng Hán và tiếng Việt đó là điều kiện để tính từ có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong loại câu này là giống nhau. Sau đây chúng ta sẽ cùng phân tích tìm hiểu điểm giống và khác nhau giữa chúng.

Thứ nhất, những tính từ có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong CCKKĐ tiếng Hán và tiếng Việt đều phải thỏa mãn một số điều kiện giống nhau, cụ thể những tính từ đó phải là những tính từ miêu tả trạng thái, tư tưởng, tình cảm... của con người (ví dụ: “冷静” (bình tĩnh), “认真” (ng nghiêm túc), “仔细” (cẩn trọng) ...). Đồng thời những tính từ đó phải là những từ biểu thị những tính chất hay trạng thái mà bản thân con người có thể khống chế được, hay nói cách khác là có ý thức để biểu hiện ra, những từ này được gọi là tính từ tự chủ. Ngoài ra, những tính từ đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong CCKKĐ tiếng Hán và tiếng Việt thường là những từ mang nghĩa tốt hoặc trung tính, từ mang nghĩa xấu không thể tham gia cấu thành CCKKĐ.

Thứ hai, tính từ láy đều có thể đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong CCKKĐ tiếng Hán và tiếng Việt, tuy nhiên dạng thức láy không giống nhau. Trong tiếng Hán, tính từ láy làm vị ngữ thường có hình thức “AABB的”、“AA (儿) 的”. Đối với hình thức “AABB的”, phía trước thường thêm “给我.....!” biểu thị ngữ khí nhấn mạnh, có phần quyết liệt, thúc giục, tạo thành cấu trúc cầu khiến “给我AABB的!”; hình thức “AA (儿) 的” chỉ giới hạn với một số tính từ như “快”, “慢”, “好”, “轻”..., ví dụ: “该高兴高兴的了!”、“轻轻的吧!”. Trong CCKKĐ tiếng Việt, tính từ láy làm vị ngữ thường có hai dạng là láy bộ phận và láy hoàn toàn, ví dụ: “*Nhanh nhen lên!*”, “*Từ từ thôi!*”... ➤

Ngoài ra, trong CCKKĐ tiếng Hán, phía sau tính từ thường thêm “一点儿”、“点儿”、“点” cấu thành hình thức câu cầu khiến: “A+一点儿/点儿/点!”, ví dụ: “灵活一点儿!”、“干净点儿!”、“谦虚点!”... Trong tiếng Việt CCKKĐ cũng có hình thức tương ứng, sau tính từ thêm “một chút”, “một tý”, “chút” tạo thành hình thức câu cầu khiến: “**TT + một chút, một tý, chút!**”, ví dụ: “*Nhanh lên một tý!*”, “*Cẩn thận chút!*” ...

Ngoài những điểm tương đồng phía trên, chúng tôi cũng phát hiện ra những điểm khác sau như sau:

Thứ nhất, trong CCKKĐ tiếng Việt phía trước tính từ thường có thêm phụ từ tình thái “hãy”, “cứ” biểu thị ý nghĩa cầu khiến, hình thành cấu trúc câu: “**hãy/cứ + TT + (tiểu từ tình thái)**!”, đặc biệt khi tính từ lấy làm vị ngữ thì phụ từ “hãy”, “cứ” thường xuyên xuất hiện trước tính từ biểu thị ý nghĩa cầu khiến, ví dụ: “Cứ từ từ!”, “hãy thành thật!”... Trong tiếng Hán không thấy hình thức tương ứng, phía trước tính từ thông thường cũng không cần thêm phụ từ tình thái.

Thứ hai, trong CCKKĐ tiếng Việt, phía sau tính từ thông thường có thể thêm tiểu từ tình thái “nào, lên, thôi, xem, nhé, vào, đi”, tạo thành hình thức câu cầu khiến: “**TT+ nào/lên/thôi/xem/nhé/vào/đi!**”. Trong giao tiếp hàng ngày có thể do thói quen sử dụng từ tạo câu của người Việt mà mức độ sử dụng của hình thức câu này tương đối cao, cao hơn so với mức độ sử dụng của hình thức “**TT + một chút/một tý/chút!**”. Thông thường trong giao tiếp chúng ta hay nói là: “*Nhanh lên!*”, “*Chậm chậm thôi!*”, “*Nghiêm túc đi!*”, “*Vui lên nào!*”... Ngược lại, trong CCKKĐ, tiếng Hán mức độ sử dụng hình thức: “**形容词+一点儿/点儿/点!**” (“**TT + một chút/một tý/chút!**”) lại cao hơn hình thức “**形容词+啊/呀/吧!**” (“**TT + nào/lên/thôi/xem/nhé/vào/đi!**”), thông thường trong giao tiếp người ta thường nói: “*快点儿啊!*”, “*自觉点儿!*”, “*小心点儿!*” ...

Thứ ba, trong CCKKĐ tiếng Hán, phía sau tính từ có thể thêm “(着)点” biểu thị ý nghĩa cầu khiến, ví dụ: “*快着点儿!*”, “*小心着点儿!*”,

“*慢着点儿!*” ..., về cơ bản ý nghĩa “*着点儿*” và “*一点儿*” là khá giống nhau, đôi khi có thể hoán đổi cho nhau mà không ảnh hưởng đến nghĩa của câu, trong tiếng Việt không có hình thức hoàn toàn tương ứng. Có thể nói đây là hình thức câu khá đặc biệt của CCKKĐ tiếng Hán.

Ngoài ra, trong câu cầu khiến tiếng Hán có thể sử dụng hình thức: “**动词+形容词+点儿!**” (**Động từ + TT + một chút/một tý/chút!**) hoặc hình thức “**形容词+点儿+动词!**” (**TT + một chút/một tý/chút+ động từ!**) để biểu đạt ý nghĩa cầu khiến, ví dụ: “*慢点儿说!*” hoặc “*说慢点儿!*”, “*快点儿走!*” hoặc “*走快点儿!*” về cơ bản đều biểu thị nghĩa giống nhau. Tuy nhiên, trong tiếng Việt nếu trật từ từ trong câu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến nghĩa của câu, khiến cho nghĩa của câu cũng thay đổi theo. Cụ thể, khi dùng hình thức “**Động từ + TT + một chút/một tý/chút!**” (ví dụ: “*Nói chậm một tý!*”) và dùng hình thức “**TT + Động từ + một chút/một tý/chút!**” (ví dụ: “*Chậm nói một tý!*”) để tạo câu chúng ta có thể thấy rõ ràng nghĩa của hai câu này không giống nhau. Cụ thể câu “*Nói chậm một tý!*” thường dùng trong câu cầu khiến, nghĩa là người nói yêu cầu người nghe nói chậm lại, tuy nhiên trong tiếng Việt chúng ta sẽ không dùng câu: “*Chậm nói một tý!*” để biểu thị ý nghĩa cầu khiến, mà câu này thường là miêu tả trạng thái “chậm nói” của ai đó. Đối với vấn đề này chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nghiên cứu và thảo luận trong một bài viết khác.

5. KẾT LUẬN

CCKKĐ là một dạng câu thường gặp trong tiếng Hán và tiếng Việt. Loại câu này thường dùng để biểu thị người nói yêu cầu người nghe thực hiện một động tác, hành vi nào đó hoặc biểu hiện ra một trạng thái, tính chất nào đó. Cho đến nay, những nghiên cứu về CCKKĐ có tính từ làm vị ngữ trong tiếng Hán cũng như tiếng Việt vẫn còn khá ít. Bài viết xuất phát từ góc độ hình thức kết cấu thông qua việc tiến hành phân tích, đối chiếu đặc điểm cấu thành cơ bản của vị ngữ tính từ trong CCKKĐ tiếng Hán và tiếng Việt đã tìm ra điểm giống và khác nhau của loại câu này trong tiếng Hán và tiếng Việt. Điểm giống nhau trong đặc điểm câu

thành của loại câu này trong hai ngôn ngữ Hán - Việt khá nhiều, điểm khác nhau cũng không ít, có những đặc điểm khác nhau là do bắt nguồn từ thói quen sử dụng khác nhau, nhưng cũng có những điểm là do tự thân ngôn ngữ khác nhau dẫn đến đặc điểm cấu thành khác nhau. Hy vọng kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ giúp ích phần nào cho những người đang học tập và nghiên cứu hai ngôn ngữ Hán - Việt.

Chú thích:

1. Dẫn theo 袁毓林 (1993, tr.16) “从结构形式上看, 祈使句可以分为肯定式和否定式两大类” và Đào Thanh Lan (2002, tr.4) “Về dạng thức câu cầu khiến cũng có khẳng định và phủ định (hãy và đừng/chớ)”.

Tài liệu tham khảo:

Chu Thị Thủy An (2002), *Câu cầu khiến tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Viện ngôn ngữ học.

Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp tiếng Việt - phần câu*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Đào Thanh Lan (2002), *Câu cầu khiến tiếng Việt*, Đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.

Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

范晓 (1998), 汉语的句子类型, 书海出版社, 上海.

刘月华等 (2001), 实用现代汉语语法, 商务印书馆, 北京.

吕叔湘 (1999), 现代汉语八百词, 商务印书馆, 北京.

袁毓林 (1993), 现代汉语祈使句研究, 北京大学出版社, 北京.

赵微 (2010), 指令行为与汉语祈使句研究, 上海社会科学院出版社, 上海.

A CONTRASTIVE ANALYSIS OF ADJECTIVE PREDICATES IN AFFIRMATIVE REQUEST IN CHINESE AND VIETNAMESE FROM A STRUCTURAL PERSPECTIVE

VU THI HUYEN TRANG

Abstract: Imperative is an important sentence type in Chinese and Vietnamese. From a structural perspective, an imperative can be classified into affirmative and negative types. It is often found that the predicate of an affirmative imperative is composed of a verb, a verb phrase or an adjective. In Chinese language, an adjective solely cannot constitute an imperative, our question is that if this is the case in Vietnamese language. This paper undertakes a contrastive analysis of adjectives as predicates in Chinese and Vietnamese imperatives in order to find out their similarities and differences.

Keywords: imperative sentence type, adjectives as predicates, contrastive analysis, Chinese language, Vietnamese language

Received: 01/8/2018; Revised: 06/9/2018; Accepted for publication: 10/9/2018